



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **3433**/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày **22** tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1756/QĐ-BTNMT ngày 11/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Bộ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Quyết định số 2932/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1120/TTr-STNMT ngày 28 tháng 8 năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai. Cụ thể:

1. Cấp tỉnh:

- Ban hành mới: 02 thủ tục

+ Thủ tục Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.

+ Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

- **Sửa đổi, bổ sung: 07 thủ tục** (theo danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020)

+ Thủ tục 1 (Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/Thẩm định, phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường):

.Sửa tên thủ tục thành “Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại”

.Sửa đổi các nội dung về trình tự thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; phí, lệ phí; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính; căn cứ pháp lý.

+ Thủ tục 2 (Thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án): Sửa đổi nội dung về trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thời hạn giải quyết; cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

+ Thủ tục 3 (Thủ tục đăng ký/đăng ký xác nhận lại đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường): Sửa đổi nội dung về trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần số lượng hồ sơ; đối tượng thực hiện thủ tục hành chính; cơ quan thực hiện thủ tục hành chính.

+ Thủ tục 4 (Thủ tục chấp thuận về môi trường đối với đề nghị điều chỉnh thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt):

.Sửa tên thủ tục thành “Thủ tục chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)”

.Sửa đổi nội dung về trình tự thực hiện; cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; kết quả thực hiện thủ tục hành chính.

+ Thủ tục 5 (Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản):

.Sửa tên thủ tục thành “Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1

và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)”

.Sửa đổi nội dung về trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; kết quả thực hiện thủ tục hành chính; phí, lệ phí; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai.

+ Thủ tục 6 (Thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản): Sửa đổi nội dung về trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính.

+ Thủ tục 9 (Thủ tục Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án): Sửa đổi nội dung về trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; thời hạn giải quyết; cơ quan thực hiện thủ tục hành chính; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

- **Bãi bỏ: 01 thủ tục** (Thủ tục Tham vấn ý kiến trong quá trình thực đánh giá tác động môi trường theo danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020).

2. Cấp huyện

- **Sửa đổi, bổ sung: 01 thủ tục** (theo danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020)

+ Thủ tục 1 (Thủ tục đăng ký/dăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường): Sửa đổi nội dung về trình tự thực hiện; cách thức thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ; yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính.

- **Bãi bỏ: 01 thủ tục** (Thủ tục Tham vấn ý kiến trong quá trình thực đánh giá tác động môi trường theo danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020).

3. Cấp xã

Bãi bỏ: 01 thủ tục (Thủ tục Tham vấn ý kiến trong quá trình thực đánh giá tác động môi trường theo danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020).

(Nội dung chi tiết đính kèm).

Trường hợp các thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi bổ sung thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký; các nội dung khác của Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 17/02/2020 và Quyết định 2932/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Trung tâm Hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai nội dung các thủ tục này tại trụ sở làm việc, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xây dựng, điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử của các thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung làm cơ sở để triển khai cập nhật nội dung đối với những thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử (Egov) của tỉnh.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm cập nhật nội dung thủ tục hành chính đã được công bố lên cơ sở dữ liệu quốc gia của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Biên Hòa và Long Khánh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh,;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Chủ tịch; Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính (BTP);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Tổng đài 1022;
- Lưu: VT, HCC, Công TTĐT.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



Phần I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

Kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

1. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực môi trường

STT	Tên thủ tục hành chính		Trang
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1	Cấp giấy phép trao đổi, mua bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ	1
2	2	Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.	4

2. Danh mục thủ tục hành chính ban hành được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực môi trường

STT		Tên thủ tục hành chính	Trang
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			7
1	1	Thủ tục thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại	7
2	2	Thủ tục kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	11
3	3	Thủ tục đăng ký/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	14
4	4	Thủ tục chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)	16
5	5	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số	19

		19/2015/NĐ-CP)	
6	6	Thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản	23
7	9	Thủ tục Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án	25
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN			32
8	1	Thủ tục đăng ký/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường	32

3. Danh mục thủ tục hành chính ban hành bị bãi bỏ lĩnh vực môi trường

STT		Tên thủ tục hành chính
A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH		
1	2	Thủ tục Tham vấn ý kiến trong quá trình thực đánh giá tác động môi trường
B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN		
1	1	Thủ tục Tham vấn ý kiến trong quá trình thực đánh giá tác động môi trường
C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ		
1	1	Thủ tục Tham vấn ý kiến trong quá trình thực đánh giá tác động môi trường



Phần II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 433/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

A. Cấp tỉnh

I. Thủ tục hành chính được ban hành mới

1. Thủ tục Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện việc trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này nộp hồ sơ tới Trung tâm hành chính công tỉnh tại địa chỉ Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Trung tâm).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) thẩm định hồ sơ:

+ Nội dung, mục đích, hình thức của việc trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ;

+ Các loại giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật; Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ; Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- **Bước 4:** Văn phòng trình Lãnh đạo Sở ký dự thảo văn bản của Sở trình UBND tỉnh cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.

- **Bước 5:** *Quyết định việc cấp phép*

UBND tỉnh ký Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ.

- **Bước 6:** *Trả kết quả*

Văn phòng UBND tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường để chuyển kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ từ Sở Tài nguyên và Môi trường đến Trung tâm Hành chính công thông qua nhân viên bưu điện). Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn xin cấp Giấy phép Trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ;

+ Giấy tờ chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mẫu vật;

+ Văn bản thỏa thuận về trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài được ưu tiên bảo vệ;

+ Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân hợp lệ.

- *Số lượng hồ sơ:* 03 bộ

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn trả lời tính hợp lệ của hồ sơ:* trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, UBND tỉnh thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân về việc chấp nhận hồ sơ hoặc yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định; việc yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ chỉ được thực hiện một (01) lần và thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ;

- *Thời hạn thẩm định, ban hành quyết định cấp phép*: trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh tiến hành thẩm định và cấp Giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài hoang dã thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ cho tổ chức, cá nhân đề nghị.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ hoặc văn bản từ chối, đồng thời nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: chưa quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Mẫu số 07*: Đơn đề nghị cấp phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê loài được ưu tiên bảo vệ (ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ);

- *Mẫu số 08*: Mẫu giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ (ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phục vụ mục đích bảo tồn đa dạng sinh học, nghiên cứu khoa học và tạo nguồn giống ban đầu;

- Có giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê mẫu vật của loài thuộc Danh mục loài được ưu tiên bảo vệ do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại Điểm c Khoản 3, Điều 12 Nghị định 160/2013/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội;

- Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

2. Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học chuẩn bị đầy đủ các giấy tờ theo thành phần, số lượng hồ sơ đã được quy định tại thủ tục này, nộp hồ sơ tại Trung tâm hành chính công tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Trung tâm).

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng Phiếu hướng dẫn) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) thẩm định hồ sơ:

+ Việc đáp ứng các điều kiện, nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 42 Luật Đa dạng sinh học;

+ Tính đầy đủ và chính xác của thông tin trong hồ sơ đề nghị được quy định tại Khoản 3, Điều 42 Luật Đa dạng sinh học;

+ Đánh giá năng lực quản lý của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học cấp phép.

Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết hoặc yêu cầu bổ sung, phải có văn bản nêu rõ lý do, trả lại Trung tâm đúng thời gian quy định.

- Bước 4: Văn phòng trình Lãnh đạo Sở ký dự thảo văn bản của Sở trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

- Bước 5: Quyết định việc cấp phép

UBND tỉnh ký Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

- Bước 6: Trả kết quả

Văn phòng UBND tỉnh chuyển hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường để giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ từ Sở Tài nguyên đến Trung tâm hành chính công thông qua nhân viên bưu điện). Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (*Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai*) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: Tại trung tâm hành chính công hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:* Hồ sơ gửi UBND tỉnh bao gồm:

+ Mẫu Đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;

+ Mẫu dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;

+ Mẫu giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

- *Số lượng hồ sơ:* 04 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh có trách nhiệm quyết định cấp hoặc từ chối cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên lãnh thổ Việt Nam.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học hoặc văn bản từ chối, đồng thời nêu rõ lý do.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai của thủ tục hành chính:

- *Phụ lục 01:* Mẫu đơn đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;

- *Phụ lục 02:* Mẫu dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;

- *Phụ lục 03:* Mẫu giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học;

- *Phụ lục 04:* Mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

(Các Phụ lục trên được ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên lãnh thổ Việt Nam.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội;
- Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đa dạng sinh học.

II. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

1. Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường lập lại.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án nộp hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường của dự án theo hình thức nộp trực tiếp đến Trung tâm hành chính công của tỉnh tại số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

3.1. Thẩm định hồ sơ sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ

- Thẩm định hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua Hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Trong quá trình thẩm định (trong trường hợp cần thiết), Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành các hoạt động: kiểm tra, khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án; lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia liên quan; tổ chức họp chuyên gia theo chuyên đề.

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về kết quả thẩm định cho chủ dự án.

3.2. Thẩm định hồ sơ sau khi họp hội đồng/lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia

- Sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án (trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định) phải hoàn thiện và gửi hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án gửi đến, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp tục thẩm định hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Bước 4: Phê duyệt và gửi kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trả kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận hồ sơ từ UBND tỉnh để giao hồ sơ về Trung tâm để trả kết quả và phát hành (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện). Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc gửi qua bằng hình thức dịch vụ bưu điện.

- Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính: trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định:

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Mẫu số 05 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương;

+ 07 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn 07 người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

c.2. Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng/lấy ý kiến tổ chức, chuyên gia

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 văn bản đề nghị phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, chủ dự án ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo kể cả phụ lục với số lượng đủ để gửi tới các địa chỉ quy định tại khoản 13 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 40/2019/NĐ-CP kèm theo 01 đĩa CD trong đó chứa 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và 01 tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục).

- *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ*: trong thời hạn thẩm định.

- *Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không bao gồm thời gian hoàn thiện hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của chủ Dự án)*:

+ Tối đa là 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II và loại hình thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ Tối đa là 25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án thuộc Phụ lục II nhưng loại hình không thuộc Phụ lục IIa Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ Tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với hình thức thẩm định thông qua việc lấy ý kiến cơ quan, tổ chức liên quan đối với các báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án quy định tại khoản 4 Điều 14 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 40/2019/NĐ-CP bao gồm các dự án thuộc đối tượng phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- *Thời hạn thông báo kết quả*: 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thẩm định

- *Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường*: tối đa là 20 (hai mươi) ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.
- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

g) Kết quả thủ tục hành chính:

- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

h) Phí, lệ phí:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mẫu số 05 Phụ lục VI Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ);
- Mẫu cấu trúc và nội dung cụ thể báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Chính phủ);

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với các dự án trên địa bàn tỉnh trừ các dự án UBND tỉnh ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai thẩm định, phê duyệt theo Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 16/3/2020.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật bảo vệ môi trường 2014;
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-

CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Thủ tục Kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án nộp hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường của dự án theo hình thức nộp trực tiếp đến Trung tâm hành chính công tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Tiến hành kiểm tra và trả kết quả

+ Việc kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án được tiến hành thông qua Đoàn kiểm tra do Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc cơ quan được ủy quyền thành lập.

+ Đoàn kiểm tra nghiên cứu hồ sơ và kiểm tra thực tế các công trình bảo vệ môi trường của dự án. Kết quả kiểm tra các công trình bảo vệ môi trường của dự án phải được thể hiện dưới hình thức biên bản kiểm tra.

+ Trên cơ sở kết quả kiểm tra, Trưởng đoàn kiểm tra, cơ quan được ủy quyền báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án về kết quả kiểm tra.

+ Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án đã được xây dựng phù hợp với quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, quyết định phê duyệt điều chỉnh một số nội dung của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản chấp thuận điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (nếu có) của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan được ủy quyền cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án. Trường hợp công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án chưa đủ điều kiện xác nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lời chủ dự án bằng một văn bản kèm theo tất cả các nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện công trình bảo vệ môi trường và các yêu cầu bảo vệ môi trường khác.

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc ngày kể từ ngày nhận được báo cáo đã khắc phục của chủ dự án (sau khi đã kiểm tra thực tế dự án), Trường đoàn kiểm tra, cơ quan được ủy quyền cử cán bộ, công chức có tên trong quyết định thành lập. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế việc chủ dự án, cơ sở đã khắc phục các tồn tại của công trình bảo vệ môi trường.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua đường bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* trả kết quả trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

- Đối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải: Các công trình đã được xây lắp; quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình; hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng để xử lý nước thải; hệ thống quan trắc tự động, liên tục (nếu có); quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với nước thải sau xử lý.

- Đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải: Các công trình, thiết bị đã được xây lắp; quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình, thiết bị; hóa chất, các chất xúc tác sử dụng để xử lý bụi, khí thải; hệ thống quan trắc tự động, liên tục (nếu có); quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với bụi, khí thải sau xử lý.

- Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường và rác thải sinh hoạt: Các công trình đã được xây lắp; quy mô, công suất và quy trình vận hành của công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình đó; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

- Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Các công trình đã được xây lắp; quy mô, công suất và quy trình vận hành đối với công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình đó; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

- Đối với công trình bảo vệ môi trường khác: Các công trình đã được xây dựng; quy mô, công suất và quy trình vận hành đối với công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản của công trình; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

- Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Các công trình đã được xây dựng; quy mô, công suất và quy trình vận hành của công trình đó; các thông số kỹ thuật cơ bản; quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng.

- Chương trình quan trắc và giám sát môi trường khi dự án vận hành.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

+ 01 văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

+ 07 bản báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án, kèm theo kết quả quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm và hồ sơ hoàn công các công trình bảo vệ môi trường đã được hoàn thành theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

+ 01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

+ 01 văn bản của Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

- *Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường:* là 15 (mười lăm) ngày làm việc, không bao gồm thời gian chủ dự án hoàn thiện hồ sơ và thời gian phân tích mẫu chất thải (lấy mẫu tổ hợp trong trường hợp cần thiết).

- Trường hợp kết quả quan trắc chất thải bổ sung đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải và hồ sơ báo cáo kết quả thực hiện công trình bảo vệ môi trường đã đảm bảo theo quy định, việc xem xét, cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phải hoàn thành trong thời hạn là 30 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án.

h) Phí, lệ phí: Không quy định.

i) Tên các mẫu đơn:

- Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

- Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án theo Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l). Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường.

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

3. Thủ tục Đăng ký xác nhận/đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Nộp hồ sơ

Chủ dự án nộp hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

- Bước 3: Xem xét hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, xác nhận đăng ký/đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở trong vòng 10 ngày làm việc.

+ Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng một văn bản và nêu lý do (trong đó nêu rõ tất cả các nội dung cần phải bổ sung, hoàn thiện một lần).

- Bước 4: Trả kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường giao kết quả về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện). Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công (Địa chỉ: Số 236, đường Phan Trung, Khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: Nhận kết quả trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công hoặc qua bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

+ 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

+ 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử).

- Số lượng hồ sơ: 1 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Không quy định

- Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án, cơ sở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Tên các mẫu đơn:

- Mẫu văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ);

- Mẫu cấu trúc và nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường (Mẫu số 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ);

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.

4. Thủ tục Chấp thuận về môi trường (Trường hợp dự án có những thay đổi được quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật bảo vệ môi trường trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án)

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án nộp hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

- Bước 3: Xem xét hồ sơ

+ Việc xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến của ít nhất 03 chuyên gia làm cơ sở để cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường xem xét, quyết định.

+ Nội dung Báo cáo xem xét, chấp thuận về môi trường đối với đề nghị thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt bao gồm: những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- Bước 4: Trình xử lý

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, xử lý hồ sơ trình UBND cấp tỉnh hồ sơ đề nghị chấp thuận về môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND cấp tỉnh ban hành Văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận gửi lại Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 5: Trả kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường giao kết quả hồ sơ về Trung tâm để trả kết quả và phát hành (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*). Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo Mẫu số 07 Phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công hoặc qua bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án theo Mẫu số 07 Phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ Báo cáo về những nội dung thay đổi; các tác động môi trường, chất thải phát sinh từ những thay đổi; các biện pháp giảm thiểu tác động, xử lý chất thải phát sinh kèm theo các thay đổi quản lý, giám sát môi trường theo Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:* tối đa 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- *Thời hạn xem xét, chấp thuận về môi trường:* tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* UBND tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định chấp thuận/Văn bản trả kết quả về đề nghị chấp thuận về môi trường.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Tên các mẫu đơn:

- *Mẫu số 07 Phụ lục VI:* Mẫu văn bản đề nghị thay đổi của Chủ dự án (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ);

- *Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I:* Mẫu báo cáo về các nội dung thay đổi (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ).

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l). Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

5. Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 5 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP)

Các nội dung sửa đổi:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án nộp hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ có văn bản thông báo cho chủ dự án.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

3.1. Thẩm định hồ sơ sau khi nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ

- Thẩm định hồ sơ phương án cải tạo, phục hồi môi trường thông qua Hội đồng thẩm định do Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập.

- Trong quá trình thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Tổ chức họp hội đồng thẩm định và thông báo kết quả họp tới tổ chức, cá nhân.

3.2. Thẩm định hồ sơ sau khi họp hội đồng:

Sau khi phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được thẩm định với kết quả thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung hoặc thông qua với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung, chủ dự án hoàn thiện và gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (tại Trung tâm Hành chính công tỉnh) hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

- Bước 4: Phê duyệt và trả kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND cấp tỉnh hồ sơ đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường do chủ dự án gửi đến. UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

- Bước 5: Trả kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường giao kết quả hồ sơ về Trung tâm để trả kết quả và phát hành (*việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện*). Trung

tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: Nhận kết quả trực tiếp Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

c.1. Hồ sơ đề nghị thẩm định

- Văn bản đề nghị thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1A ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

- 07 (bảy) bản thuyết minh phương án cải tạo, phục hồi môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015. Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng phương án cải tạo, phục hồi môi trường;

- 01 (một) bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết đã được phê duyệt hoặc xác nhận.

c.2. Hồ sơ nộp lại sau khi họp hội đồng

- 01 văn bản đề nghị phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết luận của hội đồng thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung;

- 03 phương án cải tạo, phục hồi môi trường kèm theo 01 (một) đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu Phương án cải tạo, phục hồi môi trường sau chỉnh sửa, hoàn thiện theo kết luận của Hội đồng thẩm định.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ*: Năm (05) ngày làm việc.

- *Thời hạn thẩm định hồ sơ*: Trong thời hạn 35 (ba mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Thời hạn phê duyệt hồ sơ*: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định*: UBND tỉnh.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện*: Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường và báo cáo phương án cải tạo phục hồi môi trường.

h) Phí và lệ phí:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu văn bản đề nghị thẩm định phương án (*Phụ lục số 1A ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Cấu trúc và hướng dẫn nội dung xây dựng phương án cải tạo phục hồi môi trường (*Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

- Hướng dẫn nội dung cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản (ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

- Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 28/7/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

6. Thủ tục xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1 Nộp hồ sơ:** Chủ dự án nộp hồ sơ theo hình thức nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ:** Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, cơ quan thẩm định phải có văn bản thông báo cho chủ dự án trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

- Bước 3: Xử lý hồ sơ

+ Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thành lập đoàn kiểm tra. Thành phần đoàn kiểm tra gồm: đại diện của cơ quan xác nhận, đại diện cơ quan cấp phép khai thác khoáng sản, các chuyên gia về môi trường, khoáng sản và lĩnh vực liên quan; đại diện cơ quan quản lý môi trường địa phương, quỹ bảo vệ môi trường nơi

tổ chức, cá nhân ký quỹ. Trường hợp cần thiết, cơ quan xác nhận mời thêm đơn vị giám sát chất lượng công trình, chất lượng môi trường và một số đơn vị liên quan tham gia đoàn kiểm tra- Trong quá trình thẩm định, cơ quan thẩm định được tiến hành các hoạt động: Khảo sát, kiểm chứng các thông tin, số liệu về hiện trạng môi trường tại địa điểm thực hiện dự án; Tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp phản biện nội dung của và phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

+ Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày thành lập đoàn kiểm tra, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra thực địa; kết quả kiểm tra thực địa được thể hiện bằng biên bản kiểm tra.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường được thuê cơ quan có chức năng để đo đạc, lấy mẫu kiểm chứng các thông tin, số liệu trong báo cáo.

+ Trong thời hạn không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh UBND tỉnh cấp Giấy xác nhận hoàn thành từng phần phương án.

+ Trường hợp hạng mục, công trình đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường có chất lượng và khối lượng không phù hợp với phương án, phương án bổ sung đã được phê duyệt thì UBND tỉnh thông báo bằng văn bản nêu rõ các vấn đề còn tồn tại để tổ chức, cá nhân khắc phục và hoàn thiện.

- **Bước 4:** Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét cấp giấy xác nhận hoàn thành từng phần cải tạo, phục hồi môi trường. Trường hợp chưa đủ điều kiện phê duyệt hoặc không phê duyệt phải có văn bản nêu rõ lý do.

- **Bước 5:** Sở Tài nguyên và Môi trường giao kết quả về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện). Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Trả kết quả trực tiếp Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị xác nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT;

- 07 (bảy) Báo cáo hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục số 15 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: không quy định.

- Thời hạn cấp giấy xác nhận: Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

7. Thủ tục Vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án lập và gửi kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.

Công chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính pháp lý, tính đầy đủ nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ: Hướng dẫn cụ thể (01 lần, bằng *Phiếu hướng dẫn*) để người nộp hồ sơ biết cung cấp, bổ sung đúng quy định.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: Tiếp nhận, in Phiếu biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập thông tin hồ sơ vào phần mềm quản lý; chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, phải có văn bản thông báo cho chủ dự án.

- Bước 3: Tiến hành kiểm tra và thông báo kết quả kiểm tra để vận hành thử nghiệm

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án.

- Trường hợp các công trình xử lý chất thải của dự án đáp ứng yêu cầu, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm; trường hợp không đáp ứng yêu cầu thì buộc chủ dự án phải hoàn thành trước khi vận hành thử nghiệm.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với chủ dự án để kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án trong trường hợp cần thiết.

- Bước 4: Thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc vận hành thử nghiệm, Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án, làm căn cứ để chủ dự án lập báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án theo quy định.

Căn cứ ra văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án dựa trên: văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm; bảng tổng hợp, đánh giá các số liệu quan trắc chất thải (theo 03 bảng quy định tại Mục 2.1.4 Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ), kèm theo phiếu kết quả phân tích mẫu chất thải được chủ dự án gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và kết quả đo đạc, phân tích mẫu chất thải đối chứng của Sở Tài nguyên và Môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm.

- Bước 5: Trả kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường giao kết quả hồ sơ về Trung tâm (việc nhận và giao kết quả hồ sơ thông qua nhân viên bưu điện). Trung tâm có trách nhiệm thu phí, lệ phí; giao trả kết quả cho người thực hiện thủ tục hành chính.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại Trung tâm Hành chính công tỉnh (Địa chỉ: số 236, đường Phan Trung, khu phố 2, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) hoặc qua đường bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: nhận kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh hoặc qua đường bưu điện.

b1) Cách thức thực hiện trong quá trình kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án để vận hành thử nghiệm:

- Kiểm tra hồ sơ quy định tại khoản 2 Điều 16b Nghị định số 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ, được bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

- Kiểm tra thực tế dự án gồm các nội dung sau:

+ Đối với công trình xử lý nước thải: Chỉ nêu có hoặc không có các công trình xử lý nước thải, hệ thống thoát nước mưa theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

+ Đối với công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Chỉ nêu có hoặc không có các công trình xử lý bụi, khí thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

+ Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chỉ nêu có hoặc không có các công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

+ Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Chỉ nêu có hoặc không có các công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

+ Đối với công trình quản lý chất thải khác (rác thải sinh hoạt,...): Chỉ nêu có hoặc không có các công trình quản lý chất thải khác theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

+ Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Chỉ nêu có hoặc không có các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

b2) Nội dung thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án:

- Đối với công trình xử lý nước thải: Đánh giá quá trình vận hành thử nghiệm từng hệ thống xử lý nước thải của dự án gồm các nội dung: số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành; hóa chất sử dụng; hệ thống có vận hành ổn định hay không? kết quả phân tích các mẫu nước thải sau xử lý có đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hay không? đánh giá số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có).

- Đối với công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Đánh giá quá trình vận hành đối với các hệ thống xử lý bụi, khí thải của dự án gồm các nội dung: số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng hệ thống xử lý bụi, khí thải; hóa chất sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải; hệ thống có vận hành ổn định hay không? kết quả đo đạc, phân tích các mẫu bụi, khí thải sau xử lý có đạt các quy chuẩn kỹ thuật môi trường hay không? đánh giá số liệu quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có).

- Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Đánh giá quá trình vận hành đối với các công trình xử lý chất thải của dự án (nếu có) gồm các nội dung: số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình xử lý chất thải; công trình xử lý có vận hành ổn định hay không? kết quả đo đạc, phân tích các mẫu chất thải sau xử lý có đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hay không? đánh giá việc xây dựng các công trình lưu giữ chất thải của dự án có đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường hay không?

- Đối với công trình xử lý, lưu giữ chất thải nguy hại: Đánh giá quá trình vận hành đối với các công trình xử lý chất thải của dự án (nếu có) gồm các nội dung: số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình xử lý chất thải; công trình xử lý có vận hành ổn định hay không? kết quả đo đạc, phân tích các mẫu chất thải sau xử lý có đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hay không? đánh giá việc xây dựng các công trình lưu giữ chất thải của dự án có đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường hay không?

- Đối với công trình quản lý chất thải khác (rác thải sinh hoạt, ...): Đánh giá quá trình vận hành đối với các công trình xử lý chất thải của dự án (nếu có) gồm các nội dung: số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình xử lý chất thải; công trình xử lý có vận hành ổn định hay không? kết quả đo đạc, phân tích các mẫu chất thải sau xử lý có đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường hay không? đánh giá việc xây dựng các công trình lưu giữ chất thải của dự án có đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường hay không?

- Đối với công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: Đánh giá việc vận hành đối với các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường của dự án gồm

các nội dung: số lượng, quy mô, công suất, quy trình vận hành của từng công trình; hệ thống có vận hành ổn định hay không? các thông số kỹ thuật cơ bản của từng công trình? đánh giá các công trình này có đáp ứng yêu cầu về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường hay không?

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- *Thành phần hồ sơ:*

+ 01 văn bản thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

+ 01 bản sao quyết định phê duyệt kèm theo bản sao báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án;

+ 01 bản sao các hồ sơ quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

+ 01 Bảng tổng hợp, đánh giá các số liệu quan trắc chất thải (theo 03 bảng quy định tại Mục 2.1.4 Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ), kèm theo phiếu kết quả phân tích mẫu chất thải của dự án trong quá trình vận hành thử nghiệm (thực hiện trong giai đoạn vận hành thử nghiệm).

- *Số lượng hồ sơ:* 03 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ/Thời hạn kiểm tra các công trình xử lý chất thải của dự án:* Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.

- *Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm:* 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.

- *Thời hạn có văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án:* 05 (năm) ngày làm việc trước khi kết thúc việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

- Văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải để chủ dự án vận hành thử nghiệm;

- Văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án.

h) Phí và lệ phí: không quy định.

i) Tên các mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản thông báo Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

- Văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm dự án theo Mẫu số 10 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

- Văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án theo Mẫu số 11 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đã hoàn thành các công trình xử lý chất thải theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc quyết định phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường (nếu có);

- Đã lắp đặt hoàn thành các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục để giám sát chất lượng nước thải, khí thải theo quy định của pháp luật;

- Có quy trình vận hành các công trình xử lý chất thải của dự án, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Có hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải đã được bàn giao, nghiệm thu theo quy định của pháp luật về xây dựng. Chủ dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ hoàn công công trình xử lý chất thải.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

B. Cấp huyện

I. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

1. Thủ tục đăng ký/ đăng ký xác nhận lại kế hoạch bảo vệ môi trường

Các nội dung sửa đổi:

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp hồ sơ

Chủ dự án nộp hồ sơ đăng ký/đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện (UBND huyện), sau đó chuyển hồ sơ về Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện thẩm định.

- Bước 2: Kiểm tra hồ sơ

Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hồ sơ; trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, tham mưu UBND cấp huyện có văn bản thông báo cho chủ dự án.

- Bước 3: Xem xét hồ sơ

- Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, trình UBND cấp huyện xác nhận đăng ký/đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở trong vòng 10 ngày làm việc.

- Trường hợp chưa xác nhận phải có thông báo bằng một văn bản và nêu lý do (trong đó nêu rõ tất cả các nội dung cần phải bổ sung, hoàn thiện một lần).

- Bước 4: Trả kết quả

UBND cấp huyện kết quả tới Chủ dự án, Chủ cơ sở.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ*: Nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua bưu điện.

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*: nhận kết quả tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc qua bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở theo Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

+ 03 bản kế hoạch bảo vệ môi trường (kèm theo bản điện tử) của dự án, cơ sở theo Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

+ 01 báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng dự án, cơ sở (kèm theo bản điện tử).

- *Số lượng hồ sơ*: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ*: Không quy định

- *Thời hạn xem xét, xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường*: Tối đa là 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ dự án, cơ sở.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

Cơ quan trực tiếp thẩm định: Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường.

h) Phí, lệ phí: không quy định.

i) Tên các mẫu đơn:

- *Mẫu số 01 Phụ lục VII*: Mẫu văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ);

- *Mẫu số 02 Phụ lục VII*: Mẫu cấu trúc và nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường (ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ);

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Đối với trường hợp UBND cấp huyện đã ủy quyền cho Ban Quản lý các Khu công nghiệp xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường thì nộp hồ sơ tại Ban Quản lý các Khu công nghiệp.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật bảo vệ môi trường 2014;

- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường./.

Phần III**DANH MỤC MẪU ĐƠN, MẪU TỜ KHAI**

(Kèm theo Quyết định số ~~3433~~ ³⁴³³ QĐ-UBND ngày ~~22~~ ²² tháng 9 năm 2020
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

Stt	Ký hiệu	Tên Mẫu đơn, tờ khai	Trang
1	Mẫu số 01	Văn bản đề nghị đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (Mẫu số 01 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ)	1
2	Mẫu số 02	Mẫu Cấu trúc và nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ (Mẫu số 02 Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ)	2
3	Mẫu số 04	Cấu trúc và nội dung cụ thể báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và môi trường)	7
4	Mẫu số 05	Văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Mẫu số 05 Phụ lục VI Mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ)	24
5	Mẫu số 07	Mẫu Văn bản đề nghị thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây dựng (Mẫu số 07 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP)	25
6	Mẫu số 07	Mẫu Đơn đề nghị cấp phép trao đổi, mua, bán, tặng, cho, thuê loài được ưu tiên bảo vệ (Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ)	26
7	Mẫu số 08	Mẫu giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê loài danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ số 08 ban hành kèm theo Nghị định số 160/2013/NĐ-CP 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ)	27
8	Mẫu số 08	Mẫu Báo cáo những nội dung thay đổi của chủ dự án đối với trường hợp tăng quy mô, công suất; thay đổi công nghệ hoặc bổ sung ngành nghề đầu tư vào khu công nghiệp của dự án đang trong quá trình triển khai xây	28

Stt	Ký hiệu	Tên Mẫu đơn, tờ khai	Trang
		dựng (Mẫu số 08 Phụ lục VI Mục I ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ)	
9	Mẫu số 09	Mẫu Văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án (Mẫu số 09 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)	29
10	Mẫu số 10	Văn bản thông báo kết quả kiểm tra các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành để vận hành thử nghiệm dự án (Mẫu số 10 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)	33
11	Mẫu số 11	Mẫu Văn bản thông báo kết quả kiểm tra việc vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án (Mẫu số 11 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)	35
12	Mẫu số 12	Mẫu Văn bản đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án (Mẫu số 12 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)	37
13	Mẫu số 13	Mẫu Báo cáo kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường của dự án (Mẫu số 13 Phụ lục VI Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ)	39
14	Phụ lục 01	Mẫu đơn Đăng ký thành lập, chứng nhận cơ sở bảo tồn Đa dạng sinh học (Phụ lục 01, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	45
15	Phụ lục 1A	Mẫu văn bản đề nghị thẩm định phương án (Phụ lục 1A ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	47
16	Phụ lục 02	Mẫu dự án thành lập cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 02, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	48
17	Phụ lục 2	Mẫu cấu trúc và hướng dẫn xây dựng nội dung phương án cải tạo phục hồi môi trường (Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	58

Stt	Ký hiệu	Tên Mẫu đơn, tờ khai	Trang
18	Phụ lục 03	Mẫu giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 03, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	65
19	Phụ lục 04	Mẫu báo cáo tình trạng bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ của cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (Phụ lục 04, Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	75
20	Phụ lục 14	Mẫu văn bản đề nghị kiểm tra xác nhận hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường (Phụ lục 14 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	78
21	Phụ lục 15	Mẫu báo cáo hoàn thành từng phần phương án cải tạo phục hồi môi trường (Phụ lục 15 ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)	79